

Biểu mẫu 10

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU

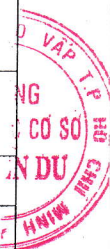
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS và trường THPT
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm, rèn luyện	1946	558	394	506	488
1/1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	977/994 98.29%	/	/	489 96.64	488 100%
2/1	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	15/994 1.51%	/	/	15 2.96%	0
3/1	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2/994 0.2%	/	/	2 0.4%	0
4/1	Yếu, kém (tỷ lệ so với tổng số)		/	/	/	/
1/2	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	936/952 98.32%	553 99.1%	383 97.21%	/	/
2/2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16/952 1.68%	5 0.9%	11 2.79%	/	/
3/2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/
4/2	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/
II	Số học sinh chia theo học lực	1946	558	394	506	488
1/1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	764/994 76.86%	/	/	402 79.45%	362 74.18%
2/1	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	178 17.91%	/	/	76 15.02%	102 20.9%
3/1	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	50 5.03%	/	/	26 5.14%	24 4.92%
4/1	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.2%	/	/	2 0.4%	0
5/1	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
1/2	Tốt	696/952 73.11%	407 72.94%	289 73.35%	/	/



2/2	Khá	206/952 21.64%	126 20.58%	80 20.3%	/	/
3/2	Đạt	49/952 5.15%	25 4.48%	24 6.09%	/	/
4/2	Chưa đạt	1/952 0.11%	0	1 0.25%	/	/
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1946	558	394	506	488
1	Lên lớp	1946	558	394	505	488
a/1	Học sinh Giỏi	402	/	/	402	362
b/1	Học sinh Tiên tiến	362	/	/	76	102
a/2	Học sinh Xuất sắc	284	157	127	/	/
b/2	Học sinh Giỏi	411	250	161	/	/
2	Thi lại	3	0	1	2	0
3	Lưu ban	1	0%	0%	1%	0%
4	Chuyển trường đến / đi	C.ĐẾN: 25 C.ĐI: 37	C.ĐẾN: 12 C.ĐI: 5	C.ĐẾN: 7 C.ĐI: 8	C.ĐẾN: 5 C.ĐI: 14	C.ĐẾN: 0 C.ĐI: 10
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	98	0	3	0	95
1	Cấp huyện (cấp quận)	69	0	2	0	67
2	Cấp tỉnh/thành phố	29	0	1	0	28
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	488	0	0	0	488
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	488	0	0	0	488
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	362	0	0	0	362 74.18%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	102	0	0	0	102 20.9%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24	0	0	0	24 4.92%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0	0



VIII	Số học sinh nam/ số học sinh nữ	1946 949/947	558 287/271	394 180/214	506 235/271	488 247/241
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	21	5	5	6	5

Gò Vấp, ngày 10 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Đẹp